

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Số 8A- Đường Vạn Mỹ- Ngô Quyền- Hải Phòng

-----&*&-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 2 NĂM 2026

HẢI PHÒNG, NĂM 2026

Số: 17/CV-MAC
No: 17/CV-MAC

Hải phòng, ngày 22 tháng 07 năm 2026
Haiphong, July 22, 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần tập đoàn Macstar/ Macstar Group Corporation
2. Mã chứng khoán/ Stock code: MAC
3. Địa chỉ/Address: Số 8A đường Vạn Mỹ, Phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam/ No.8A Van My street, Ngo Quyen ward, Hai Phong City, Viet Nam.
4. Điện thoại liên hệ/Tel.: 0225.3766561
5. Website: <http://macstar.com.vn>
6. Người thực hiện Công bố thông tin/ Person responsible for disclosing information: *Trịnh Thị Thu Trang/ Mrs. Trinh Thi Thu Trang*
7. Loại thông tin công bố/ Type of information disclosed:
24h/24 hour: ☐ định kỳ / periodic ☒
bất thường/abnormal ☐ theo yêu cầu/upon request: ☐
8. Nội dung của thông tin công bố/ Content of the published information:
 - Báo cáo tài chính quý 2/2026/ Financial report for Q2/2026
 - Bản giải trình số liệu quý 2/2026/ Quarterly Data Explanation for Q2/2026
9. Thông tin này được công bố đồng thời trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 22/7/2026 tại đường dẫn/ This information was published simultaneously on the Company's website on July 22, 2026, at the following link: <https://macstar.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cai-tai-chinh>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố/ We hereby declare that the information published above is true and accurate, and we assume full legal responsibility for its content.

Người được ủy quyền CBTT
Person authorized to disclose information



Trịnh Thị Thu Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39,219,267,147	159,028,987,007
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13,754,868,652	95,461,356,767
1. Tiền	111		5,754,868,652	3,611,356,767
2. Các khoản tương đương tiền	112		8,000,000,000	91,850,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4,060,000,000	35,237,763,130
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	-	35,897,471,579
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(659,708,449)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		4,060,000,000	
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124			
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125			
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17,487,370,764	24,868,396,324
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	9,625,377,666	13,338,788,599
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	245,895,000	32,999,400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	7,616,098,098	11,496,608,325
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		-	-
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3,682,963,681	2,845,760,833
1. Hàng tồn kho	141	V.6	3,719,636,047	2,883,042,005
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142	V.6	(36,672,366)	(37,281,172)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa hoặc lấy sp một lần	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		234,064,050	615,709,953
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		29,904,386	88,289,861
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		167,888,764	20,239,121
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.10	36,270,900	507,180,971
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		495,864,646,823	357,599,843,877
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19,650,000,000	19,650,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	19,650,000,000	19,650,000,000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216			
II. Tài sản cố định	220		9,927,955,353	10,021,642,038
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	9,294,323,353	9,388,010,038
<i>Nguyên giá</i>	222	V.7	39,315,324,394	47,289,288,182
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	V.7	(30,021,001,041)	(37,901,278,144)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	
<i>Nguyên giá</i>	225		-	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	633,632,000	633,632,000
<i>Nguyên giá</i>	228	V.7	673,632,000	673,632,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	V.7	(40,000,000)	(40,000,000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1 Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231			
a Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232			
b Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233			
-Nguyên giá	234			
-Giá trị khấu hao lũy kế	235			
2 Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn.	236			
V Tài sản dở dang dài hạn	250		16,311,627	16,311,627
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		16,311,627	16,311,627
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		465,999,031,342	327,652,215,384
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2b	348,500,000,000	213,500,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	120,600,000,000	120,600,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2b	900,000,000	900,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	264	V.2b	(4,000,968,658)	(7,347,784,616)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265		-	
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	266			
VII. Tài sản dài hạn khác	270		271,348,501	259,674,828
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		271,348,501	259,674,828
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		535,083,913,970	516,628,830,884



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		31,929,144,073	32,770,152,031
I. Nợ ngắn hạn	310		30,988,644,073	32,770,152,031
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	18,675,942,654	17,306,662,161
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.09	989,628,250	846,532,043
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	4,914,344,763	6,983,524,222
5. Phải trả người lao động	315		1,124,590,462	2,994,496,766
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.11	435,069,089	849,410,728
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		216,000,000	216,000,000
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.12	505,212,597	590,762,306
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321		-	-
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.13	4,127,856,258	2,982,763,805
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		940,500,000	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.14	940,500,000	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-

D.N.
CỔ
CỔ
TẬP
MÃ
H PH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		503,154,769,897	483,858,678,853
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	503,154,769,897	483,858,678,853
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		483,513,340,000	439,560,690,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(1,190,354,900)	(1,200,162,900)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		22,862,255	22,862,255
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20,808,922,542	45,475,289,498
11. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		377,547,045	7,305,541,076
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		20,431,375,497	38,169,748,422
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		535,083,913,970	516,628,830,884

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 22 tháng 07 năm 2026

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thúy Nga

Nguyễn Thị Thúy Nga

Cáp Trọng Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUY II.2026

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 2/2026	Q2/2025	Lũy kế đến 30/06/2026	Lũy kế đến 30/06/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	45,044,828,950	35,064,919,314	83,131,179,085	64,584,604,638
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.1	45,044,828,950	35,064,919,314	83,131,179,085	64,584,604,638
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	34,465,879,445	27,689,500,257	65,450,043,196	51,479,142,868
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		10,578,949,505	7,375,419,057	17,681,135,889	13,105,461,770
6. Lãi lỗ của hoạt động bán, thanh lý BĐS đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	5,586,481,503	89,540,432	7,758,495,888	7,922,011,337
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	(1,632,951,822)	(4,397,220,854)	(3,711,878,728)	(4,043,244,026)
- Trong đó : Chi phí lãi vay	24		41,275,710	-	130,439,978	25,120,093
9. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2,716,457,982	2,324,631,640	5,128,339,431	4,110,165,953
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15,081,924,848	9,537,548,703	24,023,171,074	20,960,551,180
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1,820,455,429	1,767,168	1,872,929,974	11,852,645
13. Chi phí khác	32	VI.7	333,155,045	7,104,000	350,380,788	27,346,400
14. Lợi nhuận khác	40		1,487,300,384	(5,336,832)	1,522,549,186	(15,493,755)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16,569,225,232	9,532,211,871	25,545,720,260	20,945,057,425
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3,315,600,609	1,907,863,174	5,114,344,763	4,194,480,765
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13,253,624,623	7,624,348,697	20,431,375,497	16,750,576,660
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-	-	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

[Signature]

Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

[Signature]

Nguyễn Thị Thúy Nga



Cấp Trọng Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25,545,720,260	20,945,057,425
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	V.7	1,189,878,290	1,483,537,659
- Các khoản dự phòng	03	V.2	(4,007,133,213)	(4,252,903,265)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.3, VI.6	(3,041,113,006)	(213,487,400)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	130,439,978	25,120,093
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19,817,792,309	17,987,324,512
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7,790,734,059	9,827,387,125
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(836,594,042)	(419,232,585)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay,	11		(1,005,286,112)	(7,253,751,502)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		46,711,802	6,184,284
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		35,897,471,579	10,794,460,661
- Chi phí lãi vay đã trả	14		(130,439,978)	(12,203,469)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7,157,753,676)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		54,422,635,941	30,930,169,026
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,420,568,839)	(16,311,627)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1,863,636,363	167,429,091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4,060,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(135,000,000,000)	(43,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			300,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được c	27		1,547,308,420	226,210,688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(137,069,624,056)	(42,322,671,848)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		42,548,317,994	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(41,607,817,994)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		940,500,000	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(81,706,488,115)	(11,392,502,822)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	95,461,356,767	21,909,254,364
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi r	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		13,754,868,652	10,516,751,542

Lập, ngày 22 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thúy Nga

Tổng Giám đốc




Cáp Trọng Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II.2026
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Macstar (tên cũ: Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh	97/48 Đường số 8, khu phố 61, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa	56%	56%	56%	56%
Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar	Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Vận chuyển container ven biển bằng sà lan thủy nội địa	67,41%	67,41%	67,41%	67,41%
Công ty Cổ phần Bất động sản Macland (*)	Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng, đi thuê hoặc khác	51%	21%	100%	100%

Theo Nghị quyết/Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã thông qua việc nhận chuyển nhượng thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Bất động sản Macland nhằm nâng tỷ lệ sở hữu vốn từ 21% lên 51%.

Theo đó, Công ty thực hiện phương án nhận chuyển nhượng 13.500.000 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Bất động sản Macland từ Công ty Cổ phần đầu tư Sao Á D.C với giá nhận chuyển nhượng là 10.000 đồng/cổ phần.

Đến ngày 07/05/2026, các thủ tục chuyển nhượng đã hoàn tất, Công ty chính thức nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Bất động sản Macland lên 51% vốn điều lệ và có quyền kiểm soát đối với đơn vị này theo quy định hiện hành.

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên, có trụ sở chính tại Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.

Tại ngày kết thúc quý 2.2026, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 36% .

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của quý trước so sánh được với số liệu của quý này.

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có 52 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 54 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo **Thông tư 99/2025/TT-BTC** ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn có liên quan trong việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính

Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho các kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thay thế **Thông tư 200/2014/TT-BTC** và các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo **Thông tư 99/2025/TT-BTC** ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính, cũng như các văn bản hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc quý.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc quý do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

02
ĐNG
Ổ PH
P ĐC
CS
10 H

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc quý nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong quý.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10
Tài sản cố định khác	10

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc quý.

9. Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

...N:
CÔ
CÔ
TẬP
MA
PH

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2026	01/01/2026
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.754.868.652	3.611.356.767
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	8.000.000.000	91.850.000.000
Cộng	13.754.868.652	95.461.356.767

2. Các khoản đầu tư tài chính**2a. Chứng khoán kinh doanh**

Là các cổ phiếu niêm yết.

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	-	35.879.708.449	35.220.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	-	-	17.763.130	17.710.000
Cộng	-	-	35.897.471.579	35.237.710.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	348.500.000.000	(4.000.968.658)	213.500.000.000	(7.347.784.616)
Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh	28.000.000.000	(4.000.968.658)	28.000.000.000	(7.347.784.616)
Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar	91.000.000.000	-	91.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Macland	229.500.000.000	-	94.500.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	120.600.000.000	-	120.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	120.600.000.000	-	120.600.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	900.000.000	-	900.000.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương	900.000.000	-	900.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư MLU	-	-	-	-
Cộng	470.000.000.000	(4.000.968.658)	335.000.000.000	(7.347.784.616)

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

	30/06/2026		01/01/2026	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh	2.800.000	56%	2.800.000	56%
Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar	9.100.000	67,41%	9.100.000	67,41%
Công ty Cổ phần Bất động sản Macland	22.950.0000	51%	9.450.000	21%
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	9.000.000	36%	9.000.000	36%
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương	9.000	18,77%	9.000	18,77%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Giá trị hợp lý***

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh đã hoàn thành giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng và đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh từ tháng 11/2023.

Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar đã đi vào hoạt động từ tháng 1/2024.

Công ty Cổ phần Bất động sản Macland thành lập từ tháng 11/2024, đang trong giai đoạn thực hiện các thủ tục đầu tư Dự án Nhà ở xã hội tại số 8A Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty con :

	Quý 2.2026	Quý 2.2025
<i>Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh</i>		
Thanh lý tài sản, công cụ, dụng cụ cho Công ty con		
Mua nguyên vật liệu từ Công ty con		
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Sử dụng dịch vụ và mua hàng hóa của Công ty con	2.688.108.575	2.230.437.864
Doanh thu cho thuê văn phòng, tiền điện, nước	38.339.676	37.798.934
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar</i>		
Góp vốn vào Công ty con		
Dịch vụ công ty con cung cấp trong kỳ	950.709.236	
Bán Cont và vật tư		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho công ty con	379.528.333	266.666.666
<i>Công ty Cổ phần Bất động sản Macland</i>		
Góp vốn vào Công ty con	135.000.000.000	
Lợi nhuận phải thu		

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2026	01/01/2026
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	222.349.230	1.027.800.000
Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh	14.170.230	-
Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar	208.179.000	54.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C		973.800.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	9.403.028.436	12.310.988.599
Công ty TNHH Vina Thương mại và Logistics KCS	847.812.613	1.808.807.177
Maersk line a/s	4.225.182.636	6.107.478.327
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	764.582.664	612.199.138
Các khách hàng khác	3.565.450.523	3.782.503.957
Cộng	9.625.377.666	13.338.788.599

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	245.895.000	32.999.400
Công ty TNHH Quy hoạch và Kiến trúc Hòa Bình	-	-
Các nhà cung cấp khác	245.895.000	32.999.400
Cộng	245.895.000	32.999.400

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>			1.551.800.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C - Thu hộ phí dịch vụ	-	-	1.551.800.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.616.098.098		9.944.808.325	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi (*)	4.050.000.000	-	7.350.000.000	-
Tạm ứng	43.793.639	-	73.562.274	-
Tạm tính doanh thu	3.464.029.664	-	2.456.092.969	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	15.074.795	-	11.953.082	-
Ký cược, ký quỹ	42.000.000	-	52.000.000	-
Các khoản phải thu khác	1.200.000	-	1.200.000	-
Cộng	7.616.098.098	-	11.496.608.325	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi (“MTC”) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05-15/HĐHT/MTC-MAC (“Hợp đồng 05-15”) ngày 22/04/2015 để triển khai kinh doanh khai thác bãi container và các dịch vụ khác tại lô đất 4,3ha thuộc dự án BP-Motachi ở Đông Nam bán đảo Đình Vũ, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (nay là phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng).

Thực hiện các Phụ lục 01 và 02 ký kết năm 2015, Công ty đã ứng vốn cho MTC, số tiền 35 tỷ VND để bổ sung vốn đầu tư hệ thống hạ tầng.

Theo Phụ lục số 08 ngày 31/12/2020 (hiệu lực từ 01/01/2021 đến 31/7/2022), 2 bên hợp tác triển khai việc kinh doanh khai thác bãi container và các dịch vụ khác như sửa chữa, bảo trì, vệ sinh container, kho CFS trên diện tích 2,2 ha tại lô đất 4,3 ha và thống nhất thời gian thực hiện từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2035. Công ty sẽ thu hồi dần tiền ứng vốn trong thời gian 15 năm từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2035 thông qua đối trừ chi phí sử dụng bãi.

Theo Phụ lục số 09 ngày 25/07/2022 (hiệu lực từ 01/8/2022), 2 bên thống nhất lại diện tích hợp tác là 3,5 ha tại lô đất 4,3 ha và thời gian thực hiện từ ngày 01/08/2022 đến hết ngày 31/07/2030. Công ty sẽ thu hồi dần tiền ứng vốn thông qua đối trừ chi phí sử dụng bãi, được chia làm 2 giai đoạn: (i) Giai đoạn từ 01/08/2022 đến 31/07/2027 (5 năm): chi phí sử dụng bãi 612.500.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT), số cần trừ công nợ là 550.000.000 VND/tháng; (ii) Giai đoạn từ 01/08/2027 đến 31/07/2030 (3 năm): chi phí sử dụng bãi 682.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT), số cần trừ công nợ là 600.000.000 VND/tháng. Theo thỏa thuận này, từ tháng 8/2022 đến tháng 11/2029, Công ty sẽ thu hồi được 49.568.551.298 VND (gồm: 35.000.000.000 VND tiền ứng vốn và 14.568.551.298 VND nợ phải thu MTC) qua cần trừ công nợ phí sử dụng bãi. Đến ngày 30/06/2026, Công ty đã thu hồi hết số nợ phải thu là 14.568.551.298 VND và số tiền ứng vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

còn phải thu hồi là 23.700.000.000 VND, trong đó số phải thu trong năm 2026 là 4.050.000.000 VND (xem thuyết minh V.5a).

6. Hàng tồn kho

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.452.251.542	(36.672.366)	2.718.737.150	(37.281.172)
Hàng đang đi trên đường	103.079.650	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	164.304.855	-	164.304.855	-
Cộng	3.719.636.047	(36.672.366)	2.883.042.005	(37.281.172)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Nguyên giá</i>						
Số đầu quý	30.078.600.204	2.311.727.662	14.466.579.528	339.574.148	92.806.638	47.289.288.182
Mua trong quý			1.350.216.987	70.351.852		1.420.568.839
Thanh lý, nhượng bán			9.394.532.627			9.394.532.627
Số cuối quý	30.078.600.204	2.311.727.662	6.422.263.888	409.926.000	92.806.638	39.315.324.394
<i>Giá trị hao mòn</i>						
Số đầu quý	21.608.985.414	1.971.116.581	13.965.745.534	80.319.152	275.111.464	37.901.278.144
Khấu hao trong quý	869.331.453	58.862.358	232.715.805	3.121.872	25.846.802	1.189.878.290
Thanh lý, nhượng bán			9.070.155.395			9.070.155.395
Số cuối quý	22.478.316.867	2.029.978.939	5.128.305.944	83.441.024	300.958.266	30.021.001.041
<i>Giá trị còn lại</i>						
Số đầu quý	8.469.614.792	340.611.081	500.833.994	12.487.486	64.462.684	9.388.010.038
Số cuối quý	7.600.283.339	281.748.723	1.293.957.944	9.365.614	108.967.734	9.294.323.353
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	14.496.913.679	14.344.712.335
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C (*)	13.005.235.249	11.605.798.000
Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar	432.575.841	630.513.061
Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh	1.059.102.589	2.108.401.274
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	4.179.028.975	2.961.949.826
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi	371.250.000	370.121.724
Công ty Cổ phần Kim khí Bắc Việt	1.452.893.939	625.713.094
Các nhà cung cấp khác	2.354.885.036	1.966.115.008
Cộng	18.675.942.654	17.306.662.161

(*) Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C phí dịch vụ kho bãi; Dịch vụ nâng hạ; Dịch vụ giám định, vệ sinh Container; Dịch vụ sửa chữa Container; Dịch vụ vận chuyển Container.

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
<i>Các bên liên quan</i>	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C – Dịch vụ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MẠCSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>30/06/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
nâng hạ		
Các khách hàng khác	989.628.250	846.532.043
Công ty TNHH KT Logistics	-	-
Các khách hàng khác	<u>989.628.250</u>	<u>846.532.043</u>
Cộng	<u>989.628.250</u>	<u>846.532.043</u>

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>30/06/2026</u>		<u>01/01/2026</u>	
	<u>Số phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa			25.770.546	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.914.344.763		6.957.753.676	
Thuế thu nhập cá nhân		12,325,400		28.272.021
Tiền thuê đất		23,945,500		478.908.950
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
Cộng	<u>4.914.344.763</u>	<u>36,270,900</u>	<u>6.983.524.222</u>	<u>507.180.971</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu xuất khẩu	0%
- Doanh thu cung cấp nước ngọt	5%
- Doanh thu khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý được dự tính như sau:

	<u>Quý 2.2026</u>	<u>Quý 2.2025</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.569.225.232	9.532.211.871
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	8.777.813	7.104.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.777.813	7.104.000
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	<u>16.578.003.045</u>	<u>9.3539.315.871</u>
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	-	-
Thu nhập tính thuế		<u>9.3539.315.871</u>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	<u>3.315.600.609</u>	<u>1.907.863.174</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích thuê</u>
- 173 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	13.547,2 m ²

- 8A đường vòng Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng 7.904 m²

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C (bên liên quan)	213.729.481	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	221.339.608	849.410.728
Cộng	435.069.089	849.410.728

12. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2026	01/01/2026
Kinh phí công đoàn	57.473.169	69.100.069
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	158.106.689	156.123.089
Cổ tức phải trả	19.363.850	19.363.850
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	270.268.889	346.175.298
Cộng	505.212.597	590.762.306

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty như sau:

	Quý 2.2026	Quý 2.2025
Số đầu năm	2.982.763.805	1.023.318.694
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.145.092.453	1.959.445.111
Chi quỹ	-	-
Số cuối năm	4.127.856.258	2.982.763.805

14. Vay**14a. Vay ngắn hạn**

	30/06/2026	01/01/2026
<i>Vay margin tại các công ty chứng khoán</i>		
Công ty chứng khoán MBS	-	-
Cộng	-	-

14b. Vay dài hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Ngân hàng TMCP VPB(*)	940.500.000	-
Cộng	940.500.000	-

*Hợp đồng tín dụng được ký ngày 26/03/2026, với số tiền vay 990.000.000 đồng, nhằm thanh toán bù đắp tài chính một phần chi phí mua xe ô tô. Thời hạn cho vay 05 năm kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Lãi suất cho vay trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu là 8.5%/năm, Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ **1 tháng/01 lần**. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày **26/03/2027**. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng "Lãi suất cơ sở (LsCS) đối với các **khoản vay thông thường** có thời gian vay vốn **trên 3 năm đến = 5 năm**, kỳ điều chỉnh lãi suất: **1 tháng**" tương ứng với đồng tiền cho vay tại "Biểu lãi suất cơ sở áp dụng cho các khoản cho vay của Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ" được VPBank ban hành và niêm yết trên website: www.vpbank.com.vn và có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ **3,80 %/năm** ("**Mức lãi suất cho vay điều chỉnh**"). Tài sản đảm bảo là xe ô tô **FORD EVEREST**.

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu quý	439.560.690.000	(1.190.354.900)	-	22.862.255	51.507.947.919	489.901.145.274
Lợi nhuận trong quý					13.253.624.623	13.253.624.623
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-
PH cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn CSH	43.952.650.000	-	-	-	(43.952.650.000)	-
Số dư cuối quý	483.513.340.000	(1.190.354.900)	-	22.862.255	20.808.922.542	503,154,769,897

15b. Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.351.334	43.956.096
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	48.351.334	43.956.096
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	48.351.334	43.956.096
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

15c. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 02-2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 3 năm 2026, đại hội đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.145.092.453
- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn LNST với tỷ lệ 10% tương ứng giá trị: 43.956.069.000

*Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty đã thực hiện trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn LNST cho cổ đông.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Quý 2.2026	Quý 2.2025
Doanh thu bán hàng hóa		
Doanh thu sửa chữa, gia công cơ khí	14.695.665.387	12.404.413.514
Doanh thu khai thác bãi	30.007.951.358	22.222.592.006
Doanh thu dịch vụ khác	341.212.205	437.913.794
Cộng	45.044.828.950	35.064.919.314

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con đã trình bày tại thuyết minh V.2, các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Quý 2.2026	Quý 2.2025
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C		
Cung cấp dịch vụ cho bên liên quan	3.919.323.171	3.157.817.039

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý 2.2026</u>	<u>Quý 2.2025</u>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Sông Đào		
Cung cấp dịch vụ cho bên liên quan		
2. Giá vốn hàng bán	<u>Quý 2.2026</u>	<u>Quý 2.2025</u>
Giá vốn của hàng hóa		
Giá vốn dịch vụ sửa chữa, cơ khí & khai thác bãi	9.694.412.423	9.265.092.609
Giá vốn dịch vụ KTB	24.483.880.758	18.154.806.364
Giá vốn dịch vụ khác	287.586.264	269.601.284
Cộng	34.465.879.445	27.689.500.257
3. Doanh thu hoạt động tài chính	<u>Quý 2.2026</u>	<u>Quý 2.2025</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	483.502.324	88.100.432
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.666.911	1.440.000
Lãi đầu tư trái phiếu		
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	303.300	
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
Lãi chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh (*)	5.101.008.968	
Doanh thu tài chính khác		
Cộng	5.586.481.503	89.540.432
4. Chi phí tài chính	<u>Quý 2.2026</u>	<u>Quý 2.2025</u>
Chi phí lãi vay	41.275.710	
Hoàn nhập/ dự phòng đầu tư vào công ty con	(1.794.229.743)	(5.597.602.939)
Hoàn nhập/ dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		1.200.382.085
Chi phí tài chính khác	120.002.211	
Cộng	(1.632.951.822)	(4.397.220.854)
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	<u>Quý 2.2026</u>	<u>Quý 2.2025</u>
Chi phí cho nhân viên	1.196.162.141	1.396.865.308
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.184.227	7.063.774
Chi phí khấu hao tài sản cố định	88.821.300	80.050.467
Thuế, phí và lệ phí	76.598.271	88.615.385
Chi phí dịch vụ mua ngoài	261.947.037	415.685.106
Tiền thuê đất		
Các chi phí khác	1.084.745.006	336.351.600
Cộng	2.716.457.982	2.324.631.640
6. Thu nhập khác	<u>Quý 2.2026</u>	<u>Quý 2.2025</u>
Giá trị thu hồi thanh lý TSCĐ	1.818.181.818	
Xử lý công nợ phải trả dư lâu ngày		
Thu nhập khác	2.273.611	1.767.168

003
 TỶ
 AN
 DAN
 TÀI
 ÁI P

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý 2.2026</u>	<u>Quý 2.2025</u>
Cộng	1.820.455.429	1.767.168
7. Chi phí khác		
	<u>Quý 2.2026</u>	<u>Quý 2.2025</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	324.377.232	
Chi phí tài chính khác	8.777.813	7.104.000
Cộng	333.155.045	7.104.000
8. Lãi trên cổ phiếu		
Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.		

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Quý 2.2026</u>	<u>Quý 2.2025</u>
Lãi vay nhập gốc		
Bù trừ khoản góp vốn hợp tác kinh doanh với với chỉ phí sử dụng bãi phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi (Thuyết minh V.5b)	1.650.000.000	1.650.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1a. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty chỉ bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Macland	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	Cổ đông lớn (Sở hữu 23,32%)/Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH đầu tư TM	Cổ đông lớn (Sở hữu 32,42%)/Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Sông Đào	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Quý 2.2026</u>	<u>Quý 2.2025</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C		
Sử dụng dịch vụ của bên liên quan	21,818,415,720	15,079,658,816

Mua nguyên vật liệu

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm là cung cấp các dịch vụ logistic và đầu tư chứng khoán kinh doanh (các cổ phiếu niêm yết). Thông tin về doanh thu và chi phí của các hoạt động này đã được trình bày tại các Thuyết minh VI.1, VI.2, VI.3 và VI.4. Tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu thuộc lĩnh vực cung cấp dịch vụ logistic. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lập, ngày 22 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thúy Nga

Tổng Giám đốc

Cập Trạng Cường